TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH SƠN** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2018/HNGĐ-ST
Ngày 06/11/2018
"V/v Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH SƠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Quang Khải**.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Đình Sở.

2. Bà Nguyễn Thị Tâm.

Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Minh Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 173/2018/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2018 về việc Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 55/2018/QĐST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Tô Văn T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Khu phố 7, thị trấn M T, huyện M T, tỉnh Lai Châu.

2. Bị đơn: Chị Hà Thị N, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Xóm R M, xã Đ Q, huyện M, tỉnh Phú Thọ.

(Anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị N vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/8/2018, bản tự khai ngày 14/9/2018 nguyên đơn anh Tô Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2015 anh T kết hôn với chị Hà Thị N có sự tìm hiểu tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn M T, huyện M T, tỉnh Lai Châu. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng với gia đình bố mẹ anh T tại thị trấn M T, khi mới kết hôn tình cảm vợ chồng hạnh phúc. Đến cuối năm 2015 mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm không có

tiếng nói chung trong cuộc sống dẫn đến cãi nhau, vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2015 đến nay, chị N về nhà bố mẹ đẻ tại xã Đ Q, huyện M để sinh sống, vợ chồng không ai còn quan tâm đến nhau. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn chị N để giải phóng cho nhau ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Tô Hà Huyền N, sinh ngày 07/12/2015, hiện cháu đang ở với chị N tại xã Đ Q từ khi vợ chồng sống ly thân. Khi ly hôn anh T nhất trí để chị N được nuôi con chung đến khi cháu thành niên, anh T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Anh chị không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn, chị Hà Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân giữa giữa anh T với chị N, lấy lời khai của mẹ đẻ chị N. Theo kết quả xác minh ngày 21/9/2018 tại Ban công an xã Đ Q xác định chị N có hộ khẩu thường trú tại xóm R M, xã Đ Q, huyện M, tỉnh Phú Thọ. Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/9/2018 của bà Hà Thị Hồng M là mẹ đẻ chị N xác định tháng 4 năm 2015 chị N kết hôn với anh T, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn M T, huyện M T, tỉnh Lai Châu. Trong cuộc sống chung giữa anh T và chị N phát sinh mâu thuẫn, lý do là vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi nhau, đến cuối năm 2015 chị N về ở với gia đình bà và sinh con, vợ chồng sống ly thân từ thời gian đó đến nay. Theo bà M vợ chồng anh T và chị N ly thân đã lâu, hôn nhân không có hạnh phúc đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Về con chung: Bà M xác định chị N và anh T có một con chung là cháu Tô Hà Huyền N, sinh ngày 07/12/2015, hiện tại cháu đang ở với chị N. Quan điểm gia đình đề nghị Tòa án giao con chung cho chị N được nuôi dưỡng vì cháu còn nhỏ, từ khi chị N mang thai đến khi sinh con đến nay anh T không hỏi han và có trách nhiệm gì với con. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp bà Mến trình bày vợ chồng chị N và anh T không có. Hiện nay chị N đi làm ăn ở Hà Nội, bà M cũng không biết địa chỉ cụ thể nhưng chị N vẫn gọi điện và thường xuyên về thăm nhà, khoảng một tháng chị về nhà hai lần để thăm con, khi chị N về chơi gia đình bà M có nói chuyện về việc anh T xin ly hôn, chị N có biết việc đó nhưng chị bảo với bà là do công việc bận, đi làm ăn xa nên chị không về được, chị xác định tình cảm với anh T không còn nên đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm gì. Các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ghi ngày 16/10/2018; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Tô Văn T, xử cho anh T được ly hôn chị Hà Thị N. Về con chung: Giao cháu Tô Hà Huyền N, sinh ngày 07/12/2015 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu N thành niên. Để đảm bảo quyền lợi cho con chung của anh chị cần buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Các vấn đề khác đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Anh T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 06/9/2018 anh Tô Văn T nộp đơn khởi kiện về việc ly hôn, nuôi con chung với chị Hà Thị N, đây là tranh chấp Hôn nhân gia đình được Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về sự vắng mặt của các đương sự: Anh Tô Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 16/10/2018, chị Hà Thị N được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên đây là vụ án không thể tiến hành hòa giải được, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh T, chị N là phù hợp quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Tô Văn T và chị Hà Thị N đăng ký kết hôn ngày 10/4/2015 tại UBND thị trấn M T, huyện M T, tỉnh Lai Châu, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân chính là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm, vợ chồng chính thức sống ly thân từ cuối năm 2015 đến nay không ai còn quan tâm đến nhau, nội dung này đã được đương sự trình bày tại Tòa án. Kết quả xác minh, biên bản lấy lời khai cũng xác định vợ chồng anh T chị N có những mâu thuẫn, thực tế vợ chồng không còn chung sống với nhau. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị N đã trầm trọng, đời

sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc anh T xin ly hôn chị N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh T và chị N có 01 con chung là cháu Tô Hà Huyền N, sinh ngày 07/12/2015, hiện cháu đang ở với chị N từ khi vợ chồng sống ly thân. Hội đồng xét xử xét thấy rằng từ khi chị N sinh con đến nay anh T không quan tâm hoặc chu cấp gì để chị N nuôi con, trách nhiệm của anh T đối với con chung là không có. Tại bản tự khai quan điểm anh T cũng nhất trí để chị N được nuôi con đến khi cháu thành niên, anh không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu N chưa đủ 36 tháng tuổi, cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ nên cần giao cháu Tô Hà Huyền N cho chị N được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu thành niên là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Do không có lời khai của chị N để xác định chị N có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung hay không, nhưng để đảm bảo quyền lợi cho con chung của anh chị thì cần buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật là phù hợp.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Anh T và chị N không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Anh T phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Tô Văn T đối với chị Hà Thị N. Xử cho anh Tô Văn T được ly hôn chị Hà Thị N.

2. Về con chung: Giao cháu Tô Hà Huyền N, sinh ngày 07/12/2015 cho chị Hà Thị N được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Tô Văn T phải cấp dưỡng nuôi con chung là 695.000đ (Sáu trăm chín mươi lăm nghìn đồng)/1 tháng kể từ tháng 11/2018 đến khi cháu N thành niên. Sau khi ly hôn anh T không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

"Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự."

3. Về án phí: Anh Tô Văn T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Xác nhận anh T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số AA/2018/0001467 ngày 06/9/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. Nay chuyển thành án phí, anh T còn phải nộp tiếp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã, thị trấn nơi các đương sự thường trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKS huyện;*
- *Chi cục THADS huyện.*
- *UBND thị trấn Mường Tè; huyện Mường Tè Tỉnh Lai Châu;*
- *Lưu HS + VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Vũ Quang Khải